

DU-GIÀ LUẬN KÝ

QUYỂN 19 (Phần Đầu)

BẢN LUẬN QUYỂN 70

Kế là, thứ ba, nói về thắng lợi của trí sáng suốt: Đầu tiên, nói về trí sáng suốt có năm thắng lợi. Lại, nói về trí sáng có mười lăm đức.

Trong phần trước, nói “cho niềm vui thứ nhất; vào thú hưởng thứ nhất”. Luận sư Tăng Huyền nói: “Bồ-đề gọi là niềm vui thứ nhất; Niết-bàn gọi là thú hưởng thứ nhất”.

Nay, giải thích: “Hiện được pháp lạc, sau hưởng về Bồ-đề, Niết-bàn”. Dưới đây, trong phần nói về trí, đức vượt hơn ngoài, nói có thứ trái với bóng tối, nghĩa là khi ánh sáng bên ngoài khởi, vẫn có pháp trái với bóng tối yếu ớt đều cùng có. Khi ánh sáng của trí khởi, không có bóng tối vô minh trái nhau đều có”.

Nói “Không thể che giấu mình, đã mở mang sáng tỏ; có thể che giấu mình đã mở mang sáng tỏ. Ở đây có hai giải thích:

1) Giải thích: “Ánh sáng bên ngoài không thể che giấu mình đã được pháp mở mang sáng tỏ. Như lửa đã soi rọi vật được mở mang sáng tỏ. Ánh sáng mặt trời dù vượt hơn, nhưng không thể che giấu, khiến cho vật thể được soi rọi không biểu hiện. Ánh sáng của trí thì không như thế. Trí trên che giấu pháp đã được mở mang sáng tỏ của trí dưới, tức là bóng tối mê muội không khởi.

2). Giải thích: “Sở tri” của trí thế tục, đã khai thị sáng tỏ pháp.

Chân trí quán tương tục thấp kém, làm sáng tỏ danh, bóng tối che lấp mình đã được mở mang tỏ rõ. Ánh sáng bên ngoài thì không như thế.”

Nói “Trái hại cho kiến, không trái hại cho kiến: như ánh sáng mặt trời trái hại cho cái thấy của mắt. Ánh sáng của Trí chỉ thêm Tuệ và gia tăng cái thấy của mắt.”

Thứ tư, trong phần nói về ba pháp của sáu thứ, có ba điều thiện:

1. Dứt trừ nghiệp ác.
2. Hàng phục ràng buộc,

3. Dứt trừ hạt giống tùy miên.

Ba Phạm chí:

1. Thú hương Phạm chí, tức là bốn hương.
2. Trụ quả, tức quả của ba Học trước.
3. Đáo rốt ráo, tức quả vô học.

Phạm, các nước Phương Tây nói, Hán dịch là Tịnh tĩnh (vắng lặng), nghĩa là Niết-bàn. Chí là tiếng của xứ này. Vì chỉ mong cầu Phạm, nên gọi là Phạm chí.

Nói Sa-môn, Hán dịch là cần lao. Như sức cần cù vất vả khắp của đạo vô ngại, nhằm dứt trừ các “hoặc”, nên gọi là cần lao, cũng gọi là dứt ác:

1. Giả Danh Bà-la-môn. Như Hồ Bắc Tuyết Sơn, tự xưng là Bà-la-môn v.v...
2. Chủng tánh Bà-la-môn. Dòng họ Trung thượng Bà-la-môn trong bốn họ của Ấn độ.
3. Chánh hạnh Bà-la-môn, tức bốn họ xuất gia tu chánh hạnh xuất thế.

Bà-la-môn, Hán dịch là Tịnh chí.

Thứ năm, nói về Thi-la hư hoại đủ. Đầu tiên, là nói do bốn duyên làm cho Thi-la hư hoại:

1. Đối với tội vô dư, khởi hủy phạm: Phạm tụ đầu.
2. Đối với tội hữu dư, không ăn năn, nghĩa là bốn tụ sau (hai “duyên” sau, rất dễ hiểu)

Kế là, nói về Cụ túc. Nói “Giúp đỡ tịnh, nghĩa là Kiến quỹ mạng tịnh, tức gia hạnh đắc ở trước. Hoặc nhân duyên, gọi là trợ bạn. Tâm chánh kiến thọ giới, gọi là kiến tịnh. Vận động thân, ngữ, lìa tà kiến ngữ, gọi là quỹ tịnh. Chỉ vì Niết-bàn mà cầu thọ giới, gọi là Mạng tịnh.

Nói “Tự tánh tịnh, nghĩa là Thái kính Tùy học. Cụ Phần Tùy Học, tức là thọ, trì giới, khiến cho giới tịnh. Trân trọng tôn kính Ba-La-Đề-Mộc-Xoa, như Phật còn tại thế, gọi là Thái Kính Tùy Học. Trong các giới mình đã lãnh thọ, vì nhiều hay ít đều gìn giữ, nên gọi là Cụ phần tùy học.

Nói “Năm thứ không nên hành xử: Tức nhà giết mổ, nhà dâm nữ v.v...”

Thứ sáu, nói về việc giữ gìn kín đáo căn môn, biết rõ lỗi lầm (như văn, rất dễ hiểu).

Thứ bảy, nói về ăn biết lượng dứt trừ tám chỗ:

Nói “Mạng căn hoại diệt, nghĩa là chẳng phải lượng, ăn nhiều,

mạng căn hoại diệt.

Đối kếm: Như ngoại đạo không ăn, do ăn biết độ lượng, thì có thể dứt trừ.

Thứ tám, là nói giác ngộ Du-già. Nói “Hư khí mà giác”, nghĩa là vì giác biết khởi nhiệm “Hư khí mà miên”, nghĩa là lai đến lúc tâm nhiệm làm duyên mà ngủ nghỉ.

Thứ chín, là nói sáu xuất ly: Chỉ giải thích hai thứ xuất ly đầu, còn bốn thứ sau, rất dễ hiểu.

Nói: 1. Cõi thuận theo, nghĩa là thân đường ác v.v...

2. Sinh không thuận theo nghĩa là Noãn, sinh thấp sinh.

3. Tinh tấn không thuận theo: nhiều lười biếng.

4. Chướng không thuận theo: Vì nhiều chướng, nạn.

5. Ái, lạc không thuận theo: nhiễm ái, lạc v.v...

Nói “Hoặc giáo, hoặc chứng”: Giáo là A-hàm; Chứng là trí chứng. Ẩn một. Hai ẩn một này thiếu.

Thứ mười, là nói do bốn lực sinh ra dục của pháp lành, như văn.

Thứ mười một, trong phần nói xuất gia viên mãn, nói trú xứ viên mãn: Trong gò mả, dưới cây v.v...

Thứ mười hai, là nói Thi-la viên mãn. Đây là thích hợp với xuất ly không viên mãn ở trước.

Thứ mười ba, nói về luật nghi của hai lực, bốn căn. Nói “Sức tư duy, lựa chọn tu tập”: Tư tuệ là sức tư duy lựa chọn, tu tuệ là sức tu tập.

Bốn thứ Hộ, Pháp sư Cảnh nói: “Cảnh giới hộ: Đối với cảnh trước, tự gìn giữ, khiến tâm không tán loạn. Phiền não hộ: Tức đối với cảnh trước mắt, không khởi tham lo, phiền não là chung: Triền và tùy miên. Không khởi hạt giống trên tâm là gìn giữ riêng. Phiền não không khởi, tức gọi là gìn giữ triền. Vì triền không khởi, nên không huân tập thành hạt giống, gọi là gìn giữ tùy miên. Cũng có thể phiền não hộ, nghĩa là đặng vị hành mà lúc du hành nơi cảnh, lìa tham lo v.v... Nghĩa là lúc khởi gia hạnh ở giai vị chánh định.

Giữ gìn nhãn căn, lìa tham ưu v.v... gọi là triền hộ. Chứng nhãn căn hộ là tùy miên hộ, nghĩa là ở vị tâm tán, do vì gìn giữ nhãn căn, nên triền không khởi, tức khiến cho hạt giống “hoặc” vì “duyên” thiếu không nảy sinh, nên mới chứng hộ nhãn căn là tùy miên”.

Pháp sư Thái cho rằng: “Nói “đặng vị hành” v.v... Người đặng phần phiền não, phiền não có thể giữ gìn, tăng thượng là không thể giữ gìn, bạc trần, nghĩa là không cần giữ gìn”.

Nay, giải thích: “Nói “Đẳng vị hành”, nghĩa lúc tương ứng với tánh vô ký, thiện, có niệm ngăn ngừa, gìn giữ, gọi là bình đẳng.

Thứ mười bốn, trong phần nói về ăn, biết lượng viên mãn, 1) Y Chỉ đối trị, nghĩa là nương tựa chánh tư lựa chọn. 2) Xa lìa sở trị: không vì xướng ca phóng đảng, kiêu mạn, buông lung v.v... 3) Dựa vào Bạch để tạo nghiệp: Khiến thân an trụ. 4) Vì y xứ, nghĩa là vì tạm giữ gìn mà tu đạo. 5) Vì phân biệt: Phân biệt có tội, không có tội v.v... Trong đây trở xuống, có các trường hợp. Luận sư Cảnh nói lại lời Tam Tạng Pháp sư “Thọ, vì có cảm giác về đói, khát nên nói: Xưa, nói thọ, nghĩa là đói mà khởi. Trừ ngoài thọ báo, thọ khác thường có cả ba tánh. Tùy theo lúc được ăn, có tác dụng lãnh thọ khổ. Khổ thọ, do ăn mà khởi. Ngoại trừ thọ báo, thọ khác thường có cả ba tánh, hễ khi nào được ăn, thì có tác dụng lãnh thọ khổ. Nói khổ thọ, nghĩa là do ăn mà khởi.

“Vỡ nuôi” trở xuống, là giải thích văn kinh.

Nói “Lúc nên ngồi trong cái thứ nhất, thứ hai và thứ tư, nghĩa là tham, giận, điều cử, ăn năn, nên đối trị khi ngồi. Trong “cái” thứ ba, cần phai khi đi, nghĩa là cái thù miên, cần đối trị lúc đi. Trong “cái” thứ năm, nên đều cùng lúc. Một thứ “cái” nghi, hai lúc đi ngồi, đều được so lường để đối trị.

Vì lìa giống như Sư tử, ngủ nghỉ trong thời gian dài, quên rất trầm trọng, không xen hở. Sư tử không sợ ngày, đêm, vì ngủ nhiều, nên nói lìa sư tử kia.

Pháp sư Thái nói: “Lúc chưa ăn nhân xúc giác đói mà khởi cảm thọ của thân. Xưa gọi là thọ là do xúc giác đói mà khởi.

Ăn no quá phần, khởi khổ thọ, nghĩa là do ăn mà khởi. Y theo lượng mà ăn, tồn tại, nuôi nấng, nghĩa là khả năng tăng trưởng phạm hạnh. Sức ăn kia có thể hại cái đói bị trị mà khởi thọ v.v...

Ăn đúng lượng cũng vui, nghĩa là hiện pháp lạc trụ. Ăn xong không có tội hiện hành, tức là ruồng phước của thí tịnh.

Khi sắp ngủ, trước phải tư duy về tưởng thức dậy sớm vào lúc gần sáng.

Thứ mười lăm, là nói về chánh tri mà không trụ.

Nói: “Vì hai thứ sở y điều hòa thích hợp:

1. Là ở trước, vì tùy theo thân mà thọ đã nương tựa, nên trừ ngủ bỏ nghỉ.

2. Trước kia, vì tu giáo, luận bàn, quyết định lựa chọn thân sở y, nên trừ bỏ mệt mỏi.

Cũng khéo biết lượng, cũng có thể ngủ nghỉ và mệt mỏi là hai

thân sở y.

Mười sáu, là nói về bốn chi gồm tám hạnh đoạn.

Nói “Do chánh niệm nên ngăn ngừa, gìn giữ chưa sinh, chỉ quán tùy “hoặc”, nghĩa là định, gọi là chỉ, tuệ gọi là quán. Hôn trầm, điều cử gây chướng ngại cho định, tuệ, gọi là “chỉ, quán tùy hoặc”

Mười bảy, nói về bốn pháp làm duyên tăng thượng cho định đã được, như văn rất dễ hiểu. Mười tám là nói về bảy pháp, người muốn chứng được tam-ma-địa thì phải hiểu cho rõ.

Luận sư Cảnh nói: “1- Nhân lui sụt của định bên trong là lười biếng, nghĩa là do tâm biếng nhác, nên khởi hôn trầm, thù miên, vì thế biếng trễ là nhân. 2- Nhân lui sụt của định bên ngoài, đó là điều cử, nghĩa là do điều cử làm nhân đối với cảnh ngoài, lấy tán loạn đối với năm dục. 3- Lui sụt định bên trong, là hôn trầm, thù miên (buồn ngủ, ngủ say). Từ lười biếng sinh ra buồn ngủ v.v... chính là sự lui sụt định kia, là chưa được thối, hoặc là đã được thối. “Duyên” bên trong bị chướng ngại gọi là trong. 4- Lui sụt định bên ngoài, nói là đối với năm dục, hấp dẫn tán loạn, nghĩa là do điều cử bên ngoài lấy năm dục, cũng có cả hai lui sụt. “Duyên” ngoài làm chướng ngại, gọi là bên ngoài. 5- Lui sụt định bên trong và nhân đối trị, nghĩa là khéo chấp tướng mà quán sát cho đúng: Do khéo chấp tướng của cảnh giới, nên có thể lìa biếng nhác, hôn trầm ngủ nghĩ. 6- Lui sụt định bên ngoài và nhân đối trị, nghĩa là tức đối với thân, quán sát bất tịnh: quán tâm của mình, của người cho là bất tịnh, thì trừ được năm dục điều cử. 7- Đối trị hai lui sụt kia là y trì, là tưởng ánh sáng, nghĩa là đầu tiên, quán tướng cảnh và quán bất tịnh đều dựa vào tưởng ánh sáng.”

Pháp sư Thái nói: “Hai tùy “hoặc” đầu tiên “duyên” trong, “duyên” ngoài, khởi làm nhân, lui sụt định. Hai tùy “hoặc” kế là cũng “duyên” trong, ngoài là lui sụt thể của định. 5- Khéo lấy định chấm dứt điều cử. Xả ba tướng đối trị. quán bất tịnh thứ nhất, thứ hai. quán bất tịnh thứ sáu, đối trị thứ hai thứ tư. Dùng thứ hai, thứ tư “duyên” năm dục bên ngoài khởi điều cử và tán loạn, cho nên quán bất tịnh để trị. Thứ bảy, là tưởng ánh sáng làm phương tiện, có thể khởi đối trị thứ năm, thứ sáu, nên vì hai đối trị y trì kia. Cả hai giải thích đồng nhau.”

Mười chín, là giải thích về chín trường hợp tu quán Niệm, Trụ của Kinh:

Nói “Đối với thân”, nghĩa là đối với thân này, khéo trụ niệm kia đối với thân chân như: quán chân như thân, gọi là khéo trụ, niệm.

Hoặc chỉ có trí xuất thế gian, nói là do đạo Xa-ma-tha bên trong,

nghĩa là trí ngưng đọng, “duyên” vắng lặng, tức thích hợp với “Chỉ”. Hoặc chỉ kiến của xuất thế gian, nói là do đạo Tỳ-Bát-Xá-Na, nghĩa là vì kiến thích hợp với sự tìm cầu với đạo Tỳ-Bát-Xá-Na, đó là Danh.”

Hai mươi, là nói dựa vào sự lập bày trên, lập ra năm hạng người. Thuận theo thế gian nói năm thứ này đều gọi là thượng hành. Dựa vào thượng hành này kiến lập năm người, nói là dựa vào trên, ra năm thứ v.v...

Nếu dựa vào lý thì người thứ hai, thứ năm là Thánh, được gọi là thượng. Người thứ nhất là Phàm, thứ ba, thứ tư là ngoại đạo kia, vì điều họ làm là điên đảo, nên không được gọi là thượng.

Người đầu tiên có ba, nghĩa là ưu lạc dục, sinh hỷ lạc ở cõi Dục, đây là một cách giải thích. Ưa vui có Tâm, có Từ; ưa vui không có Tâm chỉ có Từ, hợp thành hai thứ. Ưa vui không có Tâm, không có Từ, đây là thứ ba.

Người ưa vui dứt chướng phiền não lạc trụ ở hiện pháp, chưa được, đã được. Đối với bốn thiền căn bản, chưa được, đã được, trừ chướng phiền não, mới bắt đầu được thiền, gọi là hiện pháp lạc trụ. Đối với tất cả thứ hữu tướng, Đẳng Chí, chưa được, đã được, nghĩa là ba Không Đẳng Chí của cõi dưới, cũng do dứt trừ chướng phiền não cõi dưới xong, mới được các Đẳng Chí của Vô Sắc. Đối với y chỉ, nghĩa là bốn thiền, là chỗ nương tựa của tất cả công đức. Đối với quán sát, nghĩa là phần nhiều quán sát vô biên không tướng v.v... của bốn Vô Sắc.

Người ưa thích dứt trừ chướng định, đối với tất cả Thắng xứ chưa được, đã được. Và tất cả biến xứ chưa được, đã được, đây là chướng loạn của định, gọi là chướng định, cũng gọi là chướng sở tri.

Người tu hành đến rốt ráo kiến thú, nói là đối với Phi tưởng, Phi phi tưởng xứ, chưa được, đã được, nghĩa là chấp Phi tưởng cho là Niết-bàn rốt ráo. Đến rốt ráo kiến tích, nghĩa là đối với sáu xúc xứ vô dư, dứt hẳn rốt ráo, chứng thọ. Đã nêu sáu nội nhập, dứt trừ hẳn, sáu ngoại nhập, cũng đã dứt trừ hẳn.

Thứ hai mươi mốt, nói về ba đức của cận sự.

Nói “Khả năng dẫn phát đồng pháp, không đồng pháp”, nghĩa là người trí. Trí hữu lậu, gọi là đồng pháp; trí vô lậu, gọi là không đồng pháp.”

Lại, giải thích “Đồng học Ổ-Ba-Sách-Ca, gọi là đồng pháp. Không đồng học khác, người tại gia và năm chúng xuất xuất gia, gọi là không đồng pháp”.

Thứ hai mươi hai, nói về ba pháp như nghe pháp v.v... Trước, nêu

chung ba pháp. Sau, đối với tà, biểu dương sáng tỏ chánh.

Lại, pháp của ngoại đạo là nói trái ngược: Tức là nghe pháp.

Tất cả giới cấm chẳng thể hiện thấy v.v... Khổ hạnh, giữ giới của ngoại đạo có nhân, không có quả, vì có thể hiện thấy, nên là pháp tà hạnh, Đẳng chí mà họ có được, có nóng bức, chẳng phải tốt ráo v.v... Tà chứng là pháp. Trái lại, gọi là chánh”.

Thứ hai mươi ba, là nói về nhiễm, tịnh, đắc xả. Trước nói về thứ lớp được, bỏ năm dục. Sau, nói về pháp tịnh, tông chỉ quyết định không lui sụt.

Trong phần đầu, trước do thí, giới, sinh lên cõi trời, thọ dụng năm dục, gọi là “được”. Sau do tai họa lỗi lầm, “bỏ” cả hai dục. Nói là do xuất ly, xa lìa công đức, nghĩa là ra khỏi năm dục trần như sắc v.v... gọi là xả sự “dục”. Vì xa lìa phiền não, nên gọi là “bỏ dục phiền não”.

Thứ hai mươi bốn, nói do ba duyên đuổi kẻ phạm giới (như văn).

Thứ hai mươi lăm, nói do bốn nhân duyên giúp cho Thi-la phát sinh ái lạc sâu sắc:

- 1) Do thấy dạy bảo, lìa hai bên khổ vui.
- 2) Phiền não mỏng nhẹ.
- 3) Được đồng trụ tốt.
- 4) Không lười biếng.

Thứ hai mươi sáu, nói về bốn thứ quán sát Thi-la:

1) Do cư trú chung, tin biết là có, nghĩa là phải ở chung, mới biết có Thi-la.

2) Đối với tai nạn hiểm nguy, tin biết vững chắc, nghĩa là với tai nạn nguy hiểm, hoặc tâm bền chắc.

3) Do việc đời, tin biết không thiếu sót. Dù từng trải các việc thế gian, nhưng với chánh tín, chánh trí vẫn không thiếu giảm.

4) Do nói, bàn quyết định lựa chọn, tin biết, không có đoái hoài, ưu luyến, vì kiến không hư hoại, tin biết tất cả pháp không có gì đáng lưu luyến mến, đoái tưởng. Vì chánh kiến không hư hoại, nên thành giới ở trước.

Thứ hai mươi bảy, giải thích rõ về ba tâm thú hưởng, gồm có hai lượt.

Trong lượt đầu tiên, Luận sư Cảnh nói: “

1) Người nhàm chán ồn ào náo nhiệt, tâm hưởng đến xa lìa.

2) Chán đi dạo thôn xóm, tâm thú hưởng xuất ly.

3) Người chỉ ở nơi vắng lặng, có tưởng chỉ quán, tâm hưởng về Niết-bàn.

Nói “Xa-ma-tha v.v... nghĩa là đều lấy Tỳ-Bát-Xá-Na. Người thứ nhất trong đây, với tâm thú hưởng A-Luyện-Nhã. Người thứ hai, tâm hưởng về xuất gia.

Người thứ nhất trong lượt thứ hai là vì lìa phiền não, nên hưởng đến Luyện-Nhã. Người thứ hai muốn ra khỏi sinh tử, cho nên xuất gia thọ giới Biệt Giải thoát. Người thứ ba, sau khi ra khỏi sinh tử rồi, vào cung Niết-bàn, gọi là thú hưởng Niết-bàn. Danh từ Niết-bàn đại khái có năm thú hưởng:

1) Thọ là ảnh của Xúc. Tất cả Thọ diệt, gọi là không có ảnh.

2) Sự nối tiếp nhau là thân, thân diệt gọi là vắng lặng (ba người sau, như văn, có thể hiểu).

Thứ hai mươi tám, là nói do ba điều lỗi, nên không thể không có lắng nghe trái ngược (xem văn rất dễ hiểu).

Thứ hai mươi chín, nói có năm tướng là đồ đựng Văn, Tu. Vì nêu ban đầu để tóm thâu sau cùng, nên nói “Văn, Tu”. Nếu nói đủ, nên nói “đồ đựng Văn, Tu, Tư”.

Thứ ba mươi, là nói về đức độ, lời nói của năm hạng sư, khéo kiến lập pháp, nghĩa là khéo nói giáo hóa. Lập sở học, nghĩa là lập chế giáo.

Thứ ba mươi mốt, nói về vô ngã kiến, có thể được xuất ly.

Thứ ba mươi hai, là nói về bốn hỷ dẫn sinh bốn lạc (như văn rất dễ hiểu).

Thứ ba mươi ba là nói về pháp Phật, gọi là khéo nói. Có tám cặp, dùng câu sau để giải thích câu trước:

Nói “Túy Đồ Ba, dịch là Cao Thắng, cũng dịch là chỗ cúng dường. Do hai nhân duyên, nên di hình lập Tốt-Đồ-Ba (tháp).

1) Do sở chứng trụ vững chắc.

2) Vì có chỗ để nương tựa.

Thứ ba mươi bốn, là nói bốn thứ làm chướng ngại pháp dứt trừ. Nên biết rằng, Tuệ nhãn đối với kẻ làm ác, nói là người mù. Với kẻ làm điều xấu ác, vì họ không có tuệ nhãn, nên gọi là mù. Đối với người làm việc phước, nói là có như bản, nghĩa là nếu người làm việc phước mà không có tuệ nhãn, vì không lìa tướng, nên gọi là như bản.

Đối với các ngoại đạo, nói là có che đậy, nghĩa là vì không có chân tuệ nhãn, nên gọi là có che đậy.

Thứ ba mươi lăm, là nói về tu pháp niệm trụ, biết mười một thứ nhiễm, tức là luận Câu-xá nói có mười một pháp đối: như tham, vô tham v.v...

Bốn nhóm năm tán: tức tâm rộng, lược của Câu-xá kia.

Thứ ba mươi sáu, là nói về đạo xuất thế, dùng thế đạo để giúp đỡ.

Nhằm chán tai họa, mục nát hư hoại, nghĩa là để cho hạt giống hư hoại, không thể chiêu cảm quả báo.

Thứ ba mươi bảy, là nói về thiên Nhân của Đức Như lai vận hành tất cảnh. Bốn hiện thấy không có hữu tình sống chết của Trung hữu. Luận sư Cảnh nói: “Hai cõi Dục, và Sắc quyết định có Trung hữu. Trong cõi Vô Sắc đều không có trung hữu, làm sao thiên nhân có thể nhìn thấy cõi Vô Sắc ư? Vì thiên nhân của Đức Như lai nhìn thấy chỗ diệt của tử hữu ở hai cõi dưới, không có trung hữu khởi, biết sanh cõi Vô Sắc”. Pháp sư Thái nói: “Vói nghiệp nhanh chóng, nhạy bén trong cõi Dục, cõi Sắc Đức Phật đều nhìn thấy không có Trung hữu”.

Lại giải thích: “Chúng sinh của cõi Vô Sắc không có quyền thuộc của Trung hữu, tử sinh khởi cũng biết”.

Thứ Ba mươi tám, là nói về bảy lần lược chứng đạt các pháp:

Nói “Vì phát siêng năng, tinh tấn cho đến” chương được thanh tịnh”. Pháp là nội thí: tài là ngoại thí; Tâm bất bình đẳng của nội thí, ngoại thí này không thể khởi phương tiện xứ với thể của định. Do tinh tấn, nên là định này, khởi chương của phương tiện xứ được thanh tịnh”.

Thứ ba mươi chín, vì trị chín thứ đối tượng trị (sở trị) để tu bốn niệm trụ. Ba thứ đầu, đối trị Thân niệm. Hai thứ kế thọ niệm là trị; hai thứ kế, bị trừ của tâm niệm. Hai thứ sau, “sở trừ” của pháp tâm.

Thứ bốn mươi là nói về xuất gia, tại gia đều có năm lỗi.

Nói “Lỗi không hỷ, lạc” nghĩa là không hỷ lạc từ chỗ Học xứ.

Nói “Tập cận, làm che lấp lỗi của các dục”. Nghĩa là các dục che lấp đạo, gọi là chủ thể chương.

Thứ bốn mươi mốt, là nói về tướng mạo người ngu, có năm lần “lại nữa”.

Nói “Hoan hỷ phi xứ”, nghĩa là vì ở chỗ không nên mừng mà sinh vui mừng.

Nói “quyết định gian khổ, cay đắng”, nghĩa là nghiệp xấu ác, chiêu vờ lấy khổ, quyết định không sai.

Thứ bốn mươi hai, là nói về sinh, tử giống như biển, không thể uống hết, như biển mặn ở thế gian, người ở đất liền không uống. Biển cả Sinh, Tử như thế Hiền, Thánh không uống.

“Chỗ nương tựa của một vật quý báu lớn. “Nghĩa là như biển của

thế gian, phần nhiều có châu ngọc quý hiếm. Biển cả sinh tử cũng như thế, có báo lớn, là hạt giống vô lậu pháp nhĩ của Phật tánh”.

Thứ bốn mươi ba, là nói về các tài thí, pháp thí là vượt hơn có năm.

Thứ bốn mươi bốn, nên khiến cho năm tâm tùy mình mà chuyển, không tùy tâm chuyển.

Thứ bốn mươi lăm, là nói về các “hoặc” mị, còn hơn quỷ mị.

Thứ bốn mươi sáu là nói về lập lỗi của “ngã” (đều như vắn).

Thứ bốn mươi bảy, là y cứ vào ba hành để nói về chủ thể đối tượng trị:

Dục hành: là thọ năm dục.

Phước hành, tức thọ phước thế gian

Đồng cư hành, tức đồng lìa trụ.

Vì lìa ba hành này, nên có sáu thứ ái, giận dữ: bốn thứ chỗ nương tựa; năm thứ đối trị.

Sáu thứ đầu:

1) Tham cảnh giới

2) Sân oán ghét

3) Thuận với tham của tà giáo.

4) Sân tăng thượng, đối với sự yên vui tăng thượng mà người khác đã thọ lãnh, không để cho họ được.

5) Đối với người có đức, khởi tham dục, thí cho.

6) Đối với kẻ lỗi lầm, nổi sân, không muốn bố thí cho họ. Do đây, tâm oán ghét bất bình đẳng.

Dù thực hành phước thí, mà thường dò xét mong cầu ruộng phước trước mà làm. Hư hoại bên trong là khổ ưu không, trụ yên ổn.

Bốn y xứ: Cảnh giới đầu tiên là ưu xứ: tức là thứ nhất, tham đối với cảnh giới.

Nói “Hữu tình khác làm y xứ”, nghĩa là năm thứ còn lại, khởi đối với xứ hữu tình.

Lại, “Hai y xứ đầu đều khởi một phần tạp nhiễm”, nghĩa là thứ nhất đối với cảnh, chỉ có tham thứ hai, là đối với thù oán, chỉ có sân.

Nói “Y xứ khác đều khởi phần tạp nhiễm”, nghĩa là thứ ba, thuận với giáo sinh tham. Về sau, sinh “hoặc” khác. Thứ tư, dù khởi sân với chúng sinh yên vui tăng thượng, nhưng vì muốn cho mình được nên cũng sinh tham v.v... Thứ năm, đối với có công đức, sinh tham. Thời gian sau, cũng sinh “hoặc” khác thứ sáu, dù đối với lỗi lầm, sinh sân, về sau cũng sinh tham v.v... nên nói “Pháp khác đều khởi Câu phần”

(đều cùng có phần). Năm thứ đối trị, nghĩa là bốn trái ngược như bất tịnh v.v... đối trị bốn thứ trước.

Thứ năm, xả tướng tâm, đối trị thứ năm, thứ sáu. Về sau, có năm thứ đối trị với sáu thứ ái, giận dữ của môn khác:

- 1) Tham sự.
- 2) Sân sự.
- 3) Sinh tham đối với ba độc.
- 4) Sinh sân đối với ba thiện căn.
- 5) Sinh tham đối với ba thiện căn.
- 6) Sinh sân đối với ba độc.

Năm thứ đối trị bất tịnh và từ bi đều trị hai thứ trước. trong ba tác ý, 1/ Đối trị thứ ba; 2/ Đối trị thứ tư; 3/ Tác ý hợp trị thứ năm, thứ sáu (Văn rõ ràng rất dễ hiểu).

Thứ bốn mươi tám, nói về năm đức của người xuất gia:

1- Người tự nương tựa. Vì xuất gia nên lia bỏ của cải chung, nương tựa giới đức không chung.

2- Nương tựa người không tự tại khác, bởi lẽ xuất gia, nên được đức tự tại.

3- Người đã thành thực thiện căn của giải thoát phần. Do xuất gia, nên, nếu không có kiết thừa thì sẽ được đức cửA-la-hán.

4- Người đã thành thực, xuất gia về sau, nếu có đức tu dứt trừ kiết, sẽ được quả Dự Lưu, đức tránh khỏi đường ác.

5- Người thiện căn chưa thành thực, do xuất gia, nên hiện tại thoát khỏi nỗi ép ngặt của người tại gia. Về sau, sẽ thành thực đức.”

Thứ bốn mươi chín, là nói về chín tướng của ba khổ, ba khổ trước là tướng của khổ ba khổ, giữa là khổ hành, ba khổ sau là khổ hoại.

Thứ năm mươi, là nói về bốn chi của chúng sinh: đầu tiên, là nêu, kế là, giải thích, sau là kết.

Trong giải thích có bốn đoạn, mỗi đoạn đều có hỏi, giải thích và kết:

Nói “Thường bị bốn thứ keo kiệt khác làm nổi chìm, còn khởi keo kiệt pháp: Truyết trong văn trên nói: “Vào lúc cuối kiếp, có kẻ ở nhà keo kiệt, keo kiệt về lợi dưỡng, keo kiệt cung kính, keo kiệt danh dự, keo kiệt về pháp và đầy đủ mọi thứ keo kiệt. Theo luận Thành Thật, có năm thứ keo kiệt:

- 1) Tru xứ keo kiệt.
- 2) Nhà keo kiệt.
- 3) Thí cho keo kiệt.

4) Giải thích, khen ngợi keo kiệt.

5) Keo kiệt pháp.

Nay nói, bốn thứ còn lại và pháp là năm thứ keo kiệt: Hai keo kiệt: Cung kính v.v... Đề cao hợp thành một thứ, thích hợp với keo kiệt giải thích, khen ngợi của luận Thành Thật.

Nói “Dựa vào tạp nhiễm đầu tiên, nối tiếp nhau thông suốt tám Thánh chi đạo, lập trí thứ nhất v.v... Đây là phạm phu lia tà tín, được trí Thánh đạo, tức thiện sinh đắc. Dùng trí này làm y chỉ để tu ba trí khác, tức gia hạnh thiện.

Dưới đây, kết rằng: “Bốn chi như thế, được chia riêng mười một mười một và bình đẳng bình đẳng. Trong chi đầu chia làm năm; chi thứ hai có bốn; hai chi sau, đều có một, cộng chung có mười một. Nhưng thể mười một riêng và bốn chi, chung không có rộng, hẹp, lời câu bình đẳng.
